TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105 / 2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 06 /4 / 2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Hùng**;
Ông **Trần Thành Chúng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L,** sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 21, ấp Búng Lớn, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh N,** sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 21, ấp Búng Lớn, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà L trình bày: Bà và ông N kết hôn năm 2011, hôn nhân do cả hai tự tìm hiểu, đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống, do cả hai người không phù hợp nhau về quan điểm sống, bản tính ông N nóng nảy, chi ly về tài chính, bỏ bê không quan tâm chăm sóc vợ con và quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, sau đó bỏ nhà đi đâu không biết từ nhiều tháng nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 30/10/2012 hiện đang sống chung với bà. Ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải động viên ông bà chung sống lại nhưng do ông N vắng mặt, vì vậy không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà L giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày tại phiên hòa giải. Ông N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng phát biểu :

Đối với Thẩm phán, quá trình giải quyết vụ án đã xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục xét xử được đảm bảo.

Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L, xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và HĐXX tiến hành xử vắng mặt ông là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà L, ông N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên bà L xin ly hôn và căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời gian không còn chung sống các bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Về con chung: đề nghị giao cháu H hiện đang sống chung với bà L cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu; tài sản và nợ chung do bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ những quy định pháp luật về hôn nhân gia đình giải quyết theo yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh N. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa, ông N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông N có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là vì trong thời gian chung sống hai người không có chung quan điểm sống, ông N có bản tính nóng nảy, chi ly về tiền bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, bỏ nhà đi không về từ nhiều tháng nay.

Ông N không có ý kiến đối với lời trình bày của bà L về yêu cầu ly hôn, thời gian chung sống cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Xét thấy: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và thông báo về phiên hòa giải cho ông N nhưng ông không đến tham gia hòa giải và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L. Theo bà L trình bày cả hai đã không còn chung sống với nhau kể từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, thời gian không còn chung sống cả hai không có liên lạc với nhau, ông N cũng không có về thăm vợ con và bà L cũng cho biết do cảm thấy không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên chủ động xin ly hôn. Tòa án cũng đã tiến hành thu thập chứng cứ là lời khai của bà Trần Thị Thanh B, mẹ ruột bà L để xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà L với ông N, kết quả thể hiện trong đời sống hàng ngày bà L và ông N thường xảy ra mâu thuẫn do ông N đi làm kiếm tiền chỉ tiêu xài cá nhân, không chăm lo vợ con, cả hai người đã không còn sống chung gần 01 năm nay, ông N cũng không liên lạc hay về thăm con. Theo bà Bình cho biết trước khi bà L khởi kiện xin ly hôn thì bà có cho gia đình ông N hay, gia đình ông N trả lời là đã có khuyên răn nhưng không được và kêu bà L cứ ly hôn. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông N, bà L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà L khai cả hai có 01 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 30/10/2012 hiện đang sống chung với bà, ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu H hiện đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như thể chất của cháu, cần tiếp tục giao cháu H cho bà L nuôi dưỡng

theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L và người thân trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung của ông N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trường hợp ông N có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228 , Điều 273, và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh N được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012, hiện đang sống với bà L cho bà tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà L và người thân trong gia đình không được cản trở quyền thăm con của ông N.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002682 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- UNND xã Nhơn Hội;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo